TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2019

V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Đông Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đích và ông Mai Hồ Hải Thành.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Trà - Thư ký TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX - ST ngày 14/6/2019; giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1974. *Có mặt.*

+ *Bị đơn:* Ông **Đỗ Thanh Đ**, sinh năm 1970. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Phòng 608, khu chung cư làng cá 2A, tổ 100, phường N, quận S, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đỗ Thanh Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Hôn nhân tự nguyện, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chồng tôi không có trách nhiệm với vợ con, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cải vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả. Do đó, vợ chồng tôi đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm của tôi đối với ông Đ không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chồng là ông Đỗ Thanh Đ.

- Về con chung: Tôi xác định giữa tôi và ông Đ có 03 con chung tên: Đỗ Thanh S, sinh năm 1994; Đỗ Thanh C, sinh năm 1995 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/11/2006. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Đỗ Thanh T, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Riêng 02 con chung Đỗ Thanh S và Đỗ Thanh C đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không có.

** Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đỗ Thanh Đ vắng mặt nhưng trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 17/6/2019, ông Đỗ Thanh Đ trình bày:*

Tôi đồng ý ly hôn đối với bà Phạm Thị H.

Về quan hệ con chung: Đồng ý giao con chung Đỗ Thanh T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi và không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,Thư lý, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án. Theo đó việc thụ lý vụ án, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của BLTTDS. Nguyên đơn bà H chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông Đ không tham gia tố tụng tại Tòa án là chưa chấp hành đầy đủ các quy định về pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông Đ đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Đỗ Thanh Đ.

Về con chung: Hiện nay cháu T đang ở với mẹ, cuộc sống và học tập diễn ra bình thường từ trước đến nay, ông Đ sống không có trách nhiệm, không quan tâm đến con cái và gia đình. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật HNGĐ giao con chung Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/11/2006 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên ông Đ không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng con chung Đỗ Thanh S và Đỗ Thanh C đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H và ông Đ xác định vợ chồng không có đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Phạm Thị H và ông Đỗ Thanh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân

dân quận S, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ngày 17/6/2019, ông Đỗ Thanh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Phạm Thị H và ông Đỗ Thanh Đ xây dựng gia đình với nhau vào năm năm 1992, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, quận S, TP Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà H là do quan điểm và tính cách không phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau và ông Đ không quan tâm vợ con nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không có kết quả, do đó vợ chồng bà đã sống ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với chồng là ông Đỗ Thanh Đ.

Còn ông Đỗ Thanh Đ cũng thống nhất với yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị H nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đinh. HĐXX xét thấy: Ngoài những mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày, qua xác minh tại địa phương ngày 27/3/2019 thể hiện mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là có thật. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở, phù hợp với ý kiến của ông Đỗ Thanh Đ. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông Đinh là thoả đáng.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa bà H và ông Đ có 03 con chung tên: Đỗ Thanh S, sinh năm 1994; Đỗ Thanh C, sinh năm 1995 và Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/11/2006. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay cháu T đang ở với mẹ, cuộc sống và học tập diễn ra bình thường từ trước đến nay, ông Đ sống không có trách nhiệm, không quan tâm đến con cái và gia đình nên việc giao con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt hơn cho cháu T về điều kiện vật chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của cháu T cũng như ý kiến của ông Đ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu về việc nuôi con chung của bà H. Riêng 02 con chung Đỗ Thanh S và Đỗ Thanh C đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do bà H không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà H và ông Đ xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H và ông Đ xác định vợ chồng không có đề cập đến.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ - ST theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 51; khoản 2 Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ban hành ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" của bà Phạm Thị H đối với ông Đỗ Thanh Đ.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị H được ly hôn ông Đỗ Thanh Đ.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị H đối với ông Đỗ Thanh Đ nên giấy chứng nhận kết hôn số 28 do UBND phường N cấp ngày 02/5/1992 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cho bà Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thanh T, sinh ngày 26/11/2006 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung Đỗ Thanh S và Đỗ Thanh C đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không đề cập đến.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không đề cập giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST 300.000đ bà Phạm Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 7657 ngày 11/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện KSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Đông Thanh

T HNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**